

Đề bài

Bàn về truyện cổ tích và ca dao, có ý kiến cho rằng: "Các nhà văn học được văn trong truyện cổ tích và học được thơ trong ca dao".

(Đỗ Bình Trị, Phân tích tác phẩm văn học dân gian, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995, trang 111)

Anh, chị suy nghĩ như thế nào về ý kiến nêu trên?

(Đề thi hs giỏi quốc gia năm 2003, bảng A)

Bài làm

Có những tác phẩm ra đời cách đây rất lâu mà không bao giờ cũ, vẫn để lại trong lòng người đọc những ấn tượng, âm ảnh, day dứt khôn nguôi. Đó là những câu chuyện cổ, những áng ca dao, dân ca. Dù năm tháng đổi thay, những đèn đài rồi sụp đổ, những tranh tượng tiêu tan thì các tác phẩm văn học dân gian ấy vẫn cứ tồn tại, bền bỉ, như dòng sông chảy mãi tươi mát tâm hồn bao thế hệ người đọc hôm qua, hôm nay và mai sau. Song không chỉ bồi đắp cho tâm hồn muôn triệu con người, những câu chuyện cổ, những áng ca dao còn là nguồn cảm hứng khơi nguồn cho các tác phẩm thơ ca, văn chương của văn học viết, giúp các nhà thơ, nhà văn học được nhiều điều. Bởi thế, khi bàn về truyện cổ tích và ca dao, có ý kiến cho rằng: “Các nhà văn học được văn trong truyện cổ tích và học được thơ trong ca dao”.

Tôi còn nhớ người nghệ sĩ mù, nhà thông thái của Hi Lạp cổ đại Hômerô từng lang thang khắp các con phố, khắp các nẻo đường nhộn nhịp, lắng nghe những câu chuyện dân gian, để từ chất liệu vô giá ấy viết nên hai thiên trường ca bất hủ: *Iliat và Ôđixê*. Tác giả của sử thi *Ramayana* và *Mahabharata* cũng kiếm tìm bền bỉ trong kho thần thoại dân gian Ấn Độ để sáng tác nên hai thiên sử thi làm rạng danh cho nền văn học ở đất nước giàu truyền thống văn hóa này. Học tập tinh hoa văn hóa của văn học dân gian để làm đẹp, làm giàu cho các sáng tác văn học viết là quá trình bền bỉ của nhiều nhà nghệ sĩ ở nhiều nền văn học trên thế giới. Ý kiến của nhà nghiên cứu Đỗ Bình Trị khi bàn về truyện cổ tích và ca dao đã khẳng định sự học tập, tiếp thu tinh hoa văn học dân gian của các nhà văn, nhà thơ. Truyện cổ tích và ca dao, những sáng tác truyền miệng vô danh cứ âm thầm bền bỉ sống từ đời này qua đời khác. Nó được kể lại, được ngâm nga, hát lên trong những lời mẹ ru con bên nôi, những tâm tình của gái trai bên cối gạo, những người chông đò hát với đêm trăng (ý của Chế Lan Viên). Một dân tộc có thể đếm được số nhà văn, nhà thơ, nhưng sao có thể tính được những người dân vô danh sáng tác nên cả nền văn học bằng trí nhớ? Truyện cổ tích và ca dao mãi bất diệt trong đời sống tâm hồn, tình cảm con người, khơi nguồn cảm hứng cho bao nghệ sĩ. Học ở đây được hiểu là sự tiếp nối, kế thừa một cách sáng tạo những vẻ đẹp của truyện cổ tích và ca dao. Các tác giả không sao chép thụ động, vụn nguyên những sáng tác dân gian truyền miệng, mà học tập trên cơ sở sáng tạo, học trên cơ sở phát huy. Có như vậy, những tác phẩm văn học viết mới tồn tại với thời gian, trụ vững cùng năm tháng. Nếu không, chúng sẽ chẳng khác nào một bản sao vụng về của văn học dân gian. “Học được văn trong truyện cổ tích và học được thơ trong ca dao” – sự học tập ấy không chỉ giản đơn, thoáng chốc trong ngày một, ngày hai, mà là cả một quá trình dài lâu, bền bỉ. Những truyện cổ tích, những áng ca dao cứ thấm nhuần trong tâm hồn nghệ sĩ, để hồn văn, hồn thơ dân gian tự nhiên chuyển hóa vào văn học viết, chứ không phải là sự bắt chước sống sượng, vô hồn. Các tác giả học được gì nơi những sáng tác dân gian? Họ tiếp thu

những ngôn ngữ, lối cấu tứ, hình ảnh... trong ca dao, họ học tập cách xây dựng nhân vật, không khí truyện huyền ảo, thần bí, cách kết thúc có hậu... trong cổ tích. Các tác phẩm văn học dân gian cứ phủ hồn mình vào những sáng tác của các nhà văn, nhà thơ hiện đại. Chính sự học tập này là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của văn học viết.

Đọc văn học viết, không hiểu sao tôi cứ thấy thấp thoáng đi về một *Chữ Đồng Tử*, một sự tích *Trầu cau*, những hồn ca dao dân ca thuở nào vương vấn. Những tác phẩm ấy không chết mà vẫn tái sinh vĩnh cửu trong nền văn học hôm nay, cũng như văn học Hi – La đã góp phần tái sinh làm nên cả một nền văn học Phục hưng “xanh màu nhân bản”. Vì lẽ gì các nhà văn, nhà thơ lại tiếp nối, học tập những truyện cổ tích, những áng ca dao mang hồn xưa muôn thuở? Điều gì tạo nên sự nối dài trong lịch sử văn học này?

Trước hết có thể thấy rằng, văn học dân gian là nền văn học đầu tiên xuất hiện trong lịch sử văn hóa tinh thần của loài người. Nó đồng hành cùng sự sống con người ngay từ lúc sơ khai. Khi con người thoát khỏi những tiếng gào rú vô hồn, những âm thanh vô nghĩa, khi con người biết đứng trên đôi chân khỏe mạnh của chính mình, biết cảm nhận cái đẹp, cũng là lúc văn học dân gian ra đời – một nền văn học chỉ lưu truyền trong trí nhớ. Truyện cổ tích và ca dao xuất hiện muộn hơn các thể loại văn học dân gian khác như thần thoại, sử thi, truyền thuyết, khi xã hội đã có đấu tranh giai cấp. Như thế, chính sự ra đời muộn hơn và đạt được nhiều thành tựu đáng kể mà truyện cổ tích và ca dao đã đem đến cho các nhà văn, nhà thơ sau này những bài học về nghệ thuật, giúp các tác giả học được nhiều điều. Có học giả đã nhận xét rằng: Các sáng tác trong *Kinh thi* phần nhiều là của nông dân, phụ nữ làm ra mà nhiều văn sĩ đời sau không theo kịp được. Là tiếng nói bình dân, nhưng cũng như *Kinh thi*, truyện cổ tích và ca dao Việt Nam sống với thời gian bằng sức hấp dẫn nội tại của nó. Về đẹp ấy muôn đời vẫn được khám phá, chiêm nghiệm. Các nghệ sĩ sau này học tập, tiếp thu những vẻ đẹp cả nội dung và nghệ thuật có giá trị vĩnh cửu ngàn đời của văn học dân gian. Từ câu chuyện cổ dân gian nước Nga, Puskin chẳng đã sáng tác nên *Ông lão đánh cá và con cá vàng* sao? *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài cũng phảng phất hồn cổ tích muôn đời in dấu vào trang viết. Những câu ca dao chẳng đã đổ bóng lung linh trong thơ Nguyễn Du, Nguyễn Bính sao? Nếu văn học dân gian chỉ giản đơn là những lời hò vè vô nghĩa, những lời nói bất thành văn, sao chúng có thể làm nên những bài thơ nghệ thuật cho văn nghệ sĩ sau này học tập, tiếp thu? Chính những thành tựu trong văn của truyện cổ tích và trong thơ của ca dao đã giúp các tác giả sau này học được nhiều điều.

Có thể thấy lịch sử văn học phát triển trong sự nối dài của nhiều nền văn học. Văn học dân gian và văn học viết vừa song hành, vừa tiếp nối nhau. Nền văn học ra đời sau tất yếu phải tiếp thu những tinh hoa của nền văn học trước. Các nhà văn, nhà thơ sau này tất nhiên phải học tập cái hay, cái đẹp của văn trong truyện cổ, của thơ trong ca dao. Ấy là quy luật của sáng tạo nghệ thuật.

Những truyện cổ tích, những câu ca dao tái sinh mình, trong những tác phẩm văn học viết sau này. Nhưng sự học tập của các nhà văn, nhà thơ không phải là sự sao chép nguyên vẹn, bê nguyên cổ tích, ca dao vào trang viết. Trái lại, bản chất của văn học là sáng tạo. Văn chương sẽ đi về đâu nếu mỗi nghệ sĩ chỉ lặp lại những điều đã có, nếu mỗi nhà văn chỉ nhìn đời bằng con mắt cũ mòn. Bởi thế, tiếp thu mà không quên sáng tạo, các tác giả đem cái hồn văn của cổ tích với mô típ nhân vật, kết cấu, cách nhận thức, nghĩ suy của người xưa vào văn mình, đem cái hồn thơ lấp lánh trong ca dao để làm nên chất hồn riêng cho thi phẩm. Quá trình học được kia vì thế mà không hề thụ động, có tiếp thu nhưng phải trên cơ sở sáng tạo, phát huy. Những giấc mơ cổ tích ngày nào, những giai điệu ngọt ngào, tinh tú của ca dao tưởng đã lùi xa vào quá vãng, tưởng chỉ tồn tại như sản phẩm tinh thần của con người một thời. Song nó đã bắt rễ vào trái tim, tâm hồn người Việt. Tự lúc nào, cổ tích, ca dao đã ngấm sâu vào muôn nẻo hồn thơ, muôn nẻo hồn văn của các nghệ sĩ hôm nay. Thế mới thấm thía bài học sáng tạo của nghệ sĩ muôn đời. Ý kiến của nhà nghiên cứu Đỗ Bình Trị xét đến cùng là bàn về sự học tập, tiếp nối, kế thừa, sáng tạo, phát huy những tinh hoa của truyện cổ, ca dao để làm giàu, làm đẹp thêm cho văn học viết.

Ý kiến đó là kết quả của sự nghiên cứu nghiêm túc, bền bỉ của nhà phê bình. Nó được thử nghiệm, được minh chứng bởi quá trình phát triển của văn học, bởi hành trình tiếp thu những giá trị đẹp đẽ của truyện cổ, ca dao từ văn học trung đại, văn học hiện đại đến văn học đương đại hôm nay. Sự tiếp thu ấy không chỉ diễn ra trong văn học Việt Nam mà cả văn học nhân loại. Bởi vậy, ý kiến của nhà nghiên cứu Đỗ Bình Trị là đúng đắn và có tính thuyết phục cao.

Ai đó đã không ngần ngại khẳng định rằng: Lịch sử văn học là lịch sử tâm hồn của mỗi dân tộc. Bởi văn học gắn liền với cuộc sống, đồng hành cùng sự sống con người. Trong đó, cổ tích, ca dao chính là tâm hồn con người lúc ấu thơ. Tâm hồn ấy sẽ dần cứng cáp và phát triển trong nền văn học viết. Những trang truyện cổ, những câu ca dao bao thế kỉ rồi vẫn như những con sóng xô bờ tâm hồn để mặt biển lòng người không ngừng rung động, xôn xao. Nó âm vọng vào cả nền văn học sau này, để con người hôm nay, mỗi lần giờ *Truyện Kiều*, đọc thơ Hồ Xuân Hương, thơ Nguyễn Bính, Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm... lại thấy thấp thoáng, lại được gặp lại nơi mỗi trang thơ hồn ca dao đi về muôn thuở. Các tác giả đã học tập được thơ của những câu hát dân gian. Chất thơ vút lên từ mồ hôi, nước mắt, từ cuộc sống cần lao lam lũ của đời thường. Vì đâu *Truyện Kiều* có thể trở thành tiếng hát của tâm hồn dân tộc? Bởi lẽ tiếng thơ Tố Như đã đi về cùng ca dao muôn đời. Nhà thơ đã học tập những tinh chất, tinh hoa trong ca dao. Chính Tố Như đã nói: *Thôn ca sơ học tang ma ngữ* (trong nơi thôn, xóm, ta học được tiếng hát của trồng dâu, trồng gai). Đi vào cuộc sống, trở về với nguyên thủy dân ca, nhà thơ sẽ trưởng thành lên rất nhiều, nhà thơ sẽ

học được nhiều điều. “Học được thơ trong ca dao”, Nguyễn Du đã học ngôn ngữ, hình ảnh, thể lục bát truyền thống... từ tiếng hát tâm hồn người lao động. Hình ảnh nàng Kiều chẳng phải là hiện thân điển hình cho những người phụ nữ khốn khổ, khốn cùng nơi những câu hát than thân: *Thân em như hạt mưa sa, Thân em như hạt mưa rào* sao? Khởi nguồn thi cảm từ bề sâu nhân thế, không biết đã bao thi nhân đau đớn lòng. Nguồn cảm hứng về nỗi khổ con người đã được khai thác nhiều mà xem ra chưa cạn vơi đi nhiều lắm. Nguyễn Du đã bắt nhịp tâm hồn cùng tiếng khóc của người phụ nữ dưới đáy cùng bề khổ kia, để cất lên khúc hát rong về nỗi khổ phận người. Cảm hứng ấy chẳng phải đã được khởi nguồn từ ca dao, dân ca sao? Song có lẽ, là lối sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu. Những vàng trắng, những lời thề nguyện, hò hẹn, những từ ngữ vừa bình dị, vừa lấp lánh chất thơ... đi vào *Truyện Kiều* từ miền ca dao xưa cũ. Vàng trắng trong cuộc chia li Kiều – Thúc:

Vàng trắng ai xẻ làm đôi

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường!

được học tập từ vàng trắng của ca dao một thuở:

Vàng trắng ai xẻ làm đôi

Đường trần ai vẽ ngược xuôi hỡi chàng?

Vẫn là vàng trắng ấy, mà sao từ ca dao hóa thân vào *Đoạn trường tân thanh* lại mang một nét hồn riêng biệt. Vàng trắng trong con mắt người biệt li nhuốm đầy tâm trạng. Vì người phải chia phôi nên trắng cũng thành xẻ nữa. Lấy cái nhìn chủ thể mà nhìn hiện thực khách quan, Nguyễn Du đã để vàng trắng vốn tròn đầy, viên mãn vỡ ra thành hai mảnh. Câu thơ dâng đầy một nỗi xót xa cùng bao dự cảm âu lo. Thực chất trắng vẫn viên mãn, tròn đầy, nhưng là viên mãn trong cái nhìn của những kẻ không cô đơn. Còn hôm nay, Kiều và Thúc, mỗi người chỉ mang trong mình có một nửa vàng trắng thôi, một nửa vàng trắng hao khuyết. Thấy phảng phất trong vần thơ Tố Như cuộc biệt li của cô gái – chàng trai trong ca dao. Cuộc biệt li hóa thân vào sự chia phôi giữa Kiều và Thúc. Vàng trắng tan vỡ trong ca dao lại in bóng ở *Truyện Kiều*. Nếu không học tập ngôn ngữ, hình ảnh của người lao động bình dân, sao Nguyễn Du có thể viết nên hai câu thơ bất hủ, hai câu thơ góp phần không nhỏ làm nên vẻ đẹp toàn bích của *Truyện Kiều*?

Thể lục bát truyền thống làm nên giai điệu ngọt ngào của chất thơ trong ca dao được học tập đầy sáng tạo trong thơ Nguyễn Du. Nhà thơ đã tiếp thu vốn văn học dân gian để đưa vào tác phẩm của mình những vần thơ tuyệt tác. Làm nên vị trí kiệt tác số một của *Đoạn trường tân thanh* trong văn học Việt Nam có nhiều lí do, song có một điều không thể thiếu: Tố Như đã đi vào cuộc sống của người bình dân, bằng vốn trí thức sách vở và đời thực, ông đã “học được thơ trong ca dao”, một sự học tập đầy sáng tạo.

Không chỉ Nguyễn Du, Nguyễn Bính – một nhà thơ mới – cũng đã đem vào “một thời đại trong thi ca” một tiếng thơ quen. Bởi thi sĩ đã trở về nương hồn mình nơi bến nước gốc đa, những đêm hội chèo để lắng nghe tiếng vọng của ca dao đổ về từ cội nguồn dân tộc. Nếu Xuân Diệu từ bỏ chôn làng quê thuần hậu, đi đến nơi thành thị để làm một người rất mới, rất Tây, nếu Huy Cận đắm mình trong sương khói Đường thi bằng lãng, thì Nguyễn Bính trở về, đưa nguồn thơ chan hòa vào những câu ca dao thuần hậu nguyên thủy muôn đời. Có lạ chăng khi trong tiếng thơ của một nhà thơ mới, mà cứ thấp thoáng đi về một “người nhà quê”, một hồn quê với bến nước gốc đa, với nỗi nhớ thương tương tư của một người Việt Nam thuở trước. Hóa ra tâm hồn chàng thi sĩ “quê mùa” Nguyễn Bính đã ăm ắp chất thơ của ca dao. Những từ ngữ, hình ảnh, cách tổ tình lứa đôi trong thơ, những *mình*, những *ta*, những *anh*, những *nàng*, lối lục bát mệnh mang giai điệu trữ tình, sao gần với ca dao làm vậy? Đọc thơ Nguyễn Bính mà cứ ngỡ rằng thêm lần nữa được thưởng thức nguồn ca dao từ xưa cũ. Song ngẫm kĩ, vẫn thấy một cái tôi Nguyễn Bính không nhạt nhòa, hòa lẫn trong lời ca của những thi sĩ bình dân:

*Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của giời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

Không nói “anh nhớ em”, “tôi nhớ nàng” mà kín đáo ngụ nỗi nhớ vào hai miền không gian xa cách: *thôn Đoài – thôn Đông; một người – một người*. Đúng là cách bày tỏ tình cảm kín đáo, vòng vo của ca dao. Tình cảm là thực sự của mình, nhưng cứ gán cho một đối tượng nào bóng gió, xa xôi lắm: những *mận*, những *đào*, những *mượn mình làm mối cho ta một người*, mà lại là *một người vừa đẹp vừa tươi như mình*. Hai chữ một người bị đẩy ra hai đầu câu thơ, khiến khoảng cách cũng muôn trùng cách trở: *chín nhớ mười mong*. Thành ngữ dân gian đi vào câu thơ một cách tự nhiên. Có phải Nguyễn Bính đã lấy tứ từ *Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo* của ca dao? Chàng thi sĩ “quê mùa” ấy đã phả vào thơ mình một chất thơ lấy từ ca dao. Đó là một trong những nét làm nên sức hấp dẫn riêng của thơ Nguyễn Bính.

Một Tố Hữu đem vào tiếng thơ mình nguồn ca dao một thuở với những mình – ta (*Việt Bắc*). Mượn cách nói của những lời tỏ tình đôi lứa để biểu đạt những tình cảm chính trị lớn lao, thơ Tố Hữu gần với ca dao biết mấy! Nguyễn Khoa Điềm trong *Mặt đường khát vọng* cũng tìm về ca dao để cắt nghĩa, lí giải sự sinh thành, phát triển của đất nước ở bề sâu văn hóa. Các nhà thơ đã học tập chất thơ – những từ ngữ, hình ảnh, cảm hứng, cấu tứ, giọng điệu ở ca dao.

Không chỉ học tập chất thơ trong ca dao, văn học viết còn tiếp thu chất văn trong cổ tích. Những câu chuyện vô danh chở đầy ước mơ hồn nhiên của con người thuở trước giờ lại đổ bóng hình vào văn học hiện đại hôm

nay. Victo Huygô xây dựng nên hình tượng Quadimôđô từ thể giới nhân vật dị dạng, méo mó trong cổ tích. Những chất liệu từ cổ tích đã cung cấp cho nhà văn nguồn cảm hứng sáng tạo. Họ học ở cổ tích cách xây dựng nhân vật theo mô típ thiện – ác, phả vào trang văn của mình chất huyền ảo, thiêng liêng. Và niềm tin, sự lạc quan vào tư tưởng các nhà văn hiện thực cách mạng. Có ai đó cho rằng *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài là thiên truyện thấm đầy chất cổ tích và hiện thực. Cổ tích chuyển hóa vào hiện thực. Môtíp nhân vật ấy chắc hẳn Tô Hoài đã học được từ chất văn trong những trang truyện cổ thuở xưa. Mị tiêu biểu cho những cô gái nghèo bất hạnh, cô phải chịu những khổ đau trong cuộc đời, nhưng lại mang trong mình khoảng sáng của những phẩm chất tốt đẹp. A Phủ là hiện thân cho môtíp nhân vật các chàng trai mồ côi, hoàn toàn không có gì cả, song lại có một sức sống bền bỉ, dẻo dai. Họ không có gì cả mà hóa ra lại mang trong mình những vẻ đẹp phẩm chất vô giá. Có phải ta đang gặp lại hình ảnh Chử Đồng Tử trong *A Phủ*, gặp lại cô Tấm dịu hiền trong hình ảnh Mị? Lối kết thúc có hậu cũng được sử dụng trong truyện ngắn. A Châu, người chiến sĩ cách mạng, là hình ảnh của những ông Tiên, vị Phật đem lại hạnh phúc cho những chàng trai, cô gái bất hạnh. Có thể thấy ở *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã học được chất văn từ cổ tích xa xưa. Lời kể chuyện trầm trầm, khách quan nhưng vẫn thấy ám áp tấm lòng người cầm bút.

Như thế, có thể thấy rằng các nhà văn, nhà thơ đã học tập được văn trong truyện cổ tích và học được thơ trong ca dao. Đó là sự học tập đầy sáng tạo, học tập trên những gì có sẵn. Chính nguồn thơ, nguồn văn ở văn học dân gian đã nuôi dưỡng cho những sáng tác tinh thần ở văn học viết. Nó tái sinh trong văn học hôm nay. Ý kiến của nhà nghiên cứu Đỗ Bình Trị không trực tiếp nói tới sức sống của văn học dân gian, song qua sự học tập, tiếp thu của các tác giả mà ta hiểu được sức sống ấy mãnh liệt nhường nào. Ngược lại, có những tác phẩm học tập từ ca dao, rồi lại có tác động, ảnh hưởng tới chính ca dao (*Truyện Kiều*). Nhiều câu ca dao được sáng tác từ chính mối tình Kim – Kiều trắc trở:

Anh xa em như liễu xa hồ

Như Thúy Kiều xa Kim Trọng biết mấy niên cho tái hội.

Ý kiến này cũng đặt ra bài học cho người cầm bút muôn đời: Anh hãy học tập, tiếp thu sáng tạo những tinh hoa của truyện cổ, của ca dao để làm đẹp thêm cho sáng tác của mình. Bởi ca dao, truyện cổ là dòng sông muôn đời bồi đắp cho người sáng tạo.

Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu

Mà khi về Đất nước mình thì bắt lên câu hát.

Ca dao, truyện cổ cũng như những dòng sông ấy, tháng năm vẫn âm vang nhịp sóng trong tâm hồn nghệ sĩ muôn đời. Các nhà văn, nhà thơ muôn đời vẫn học được nhiều điều từ ca dao, truyện cổ.

Nguyễn Thị Minh Hương
Trường THPT chuyên Hùng Vương – Phú Thọ